

Tăng tỷ trọng

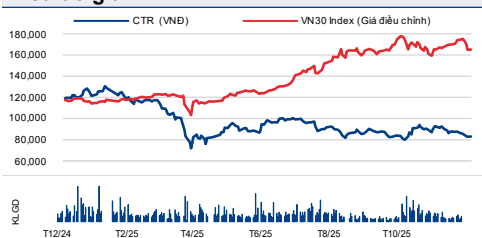
Giá mục tiêu: VNĐ106,000

Tiềm năng tăng/giảm: 27.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (15/12/2025)	83,000
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	72,126-130,589
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	83,400
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	9,494
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	361
Slg CP lưu hành (tr.đv)	114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	47.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.80%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	12,610	14,008	15,920
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,032	1,231	1,403
LNTT (tỷ đồng)	672	754	840
LNT ĐC (tỷ đồng)	403	452	504
FCF (tỷ đồng)	340	603	210
EPS ĐC (đồng)	3,522	3,955	4,405
DPS (đồng)	2,150	2,500	2,500
BVPS (đồng)	16,305	17,760	19,665
T.trưởng EBITDA (%)	13.4	19.2	14.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	1.44	12.3	11.4
Tăng trưởng DPS (%)	(21.0)	16.3	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.18	8.79	8.81
Tỷ suất LNTT (%)	5.33	5.38	5.27
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.27	4.31	4.22
Tỷ lệ LN trả CT (%)	61.1	63.2	56.8
Nợ thuần/VCSH (%)	61.7	45.7	48.5
ROAE (%)	27.9	31.0	31.4
ROACE (%)	29.5	30.7	31.9
EV/doanh thu (lần)	0.74	0.67	0.59
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.09	7.62	6.68
P/E ĐC (lần)	23.6	21.0	18.8
P/B (lần)	5.09	4.67	4.22
Lợi suất cổ tức (%)	2.59	3.01	3.01

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng , Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 11/2025: Tăng trưởng khiêm tốn nhưng sát dự báo

- Trong tháng 11/2025, tăng trưởng ở mức khiêm tốn đối với cả doanh thu thuần (tăng 2% so với cùng kỳ đạt 1.306 tỷ đồng) và LNTT (tăng 2% so với cùng kỳ đạt 63 tỷ đồng).
- Thiên tai kéo dài tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên tiếp tục ảnh hưởng đến doanh thu mảng xây dựng (giảm 9% so với cùng kỳ) và mảng giải pháp tích hợp (tốc độ tăng trưởng chậm lại còn 11% so với cùng kỳ, so với mức tăng trưởng 58% so với cùng kỳ trong tháng 10/2025).
- Đối với mảng cho thuê, CTR đã bổ sung 230 trạm BTS trong tháng 11/2025 (tính chung từ đầu năm: 1.780 trạm) và đang đi đúng tiến độ để đạt 2.000 trạm BTS mới trong năm nay.
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu sau khi giá cổ phiếu giảm gần đây.

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 11/2025 và 11 tháng đầu năm 2025

CTR ghi nhận KQKD tháng 11/2025 ở mức khiêm tốn nhưng sát với dự báo, với doanh thu thuần đạt 1.321 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ và 1% so với tháng trước) và LNTT đạt 64 tỷ đồng (tăng 3% so với cùng kỳ và 1% so với tháng trước).

So với cùng kỳ, doanh thu thuần chịu tác động từ việc doanh thu mảng xây dựng giảm 15%, bù trừ cho mức tăng trưởng tích cực của các mảng còn lại. Trong khi đó, so với tháng trước, doanh thu mảng giải pháp tích hợp giảm 16% trong khi các mảng khác ghi nhận mức tăng trưởng nhẹ.

Lưu ý, việc thiên tai kéo trong tháng với mưa lớn và lũ lụt tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên đã tác động tiêu cực đến hoạt động xây dựng dân dụng và mảng giải pháp tích hợp. Cụ thể:

- Đối với **mảng vận hành mạng lưới**, doanh thu tăng 24% so với cùng kỳ trong tháng 11/2025 (đạt 660 tỷ đồng) và tăng 3% so với cùng kỳ trong 11 tháng đầu năm 2025 (đạt 5,8 nghìn tỷ đồng). Chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng mạnh trong tháng đến từ khối lượng công việc gia tăng mà CTR thực hiện nhằm duy trì mạng lưới cho Viettel trong bối cảnh thiên tai kéo dài.
- Đối với **mảng giải pháp tích hợp**, doanh thu tăng 11% so với cùng kỳ trong tháng 11/2025 (đạt 173 tỷ đồng) và tăng 16% so với cùng kỳ trong 11 tháng đầu năm 2025 (đạt 1,8 nghìn tỷ đồng), dẫn dắt nhờ phân khúc năng lượng mặt trời. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ đã chậm lại đáng kể so với mức 27% ghi nhận trong tháng 9/2025 và 58% trong tháng 10/2025, do điều kiện thời tiết không thuận lợi, bao gồm cả yếu tố mùa vụ (nhiệt độ thấp hơn) và yếu tố bất thường (mưa lớn và lũ lụt).
- Trong tháng, CTR đã ký 657 hợp đồng lắp đặt điện mặt trời (tăng 127% so với cùng kỳ), nâng tổng số hợp đồng lũy kế trong 11 tháng đầu năm 2025 lên 6.864 hợp đồng (tăng 177% so với cùng kỳ). Chúng tôi lưu ý rằng tốc độ ký hợp đồng đã chậm lại so với mức 861 hợp đồng trong tháng 10/2025 và mức bình quân khoảng 1.200 hợp đồng mỗi tháng trong Q3/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 16/12.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD T11-2025 và 11 tháng đầu năm 2025, CTR

Cả doanh thu thuần và LNTT tháng 11 đều tăng trưởng khiêm tốn

Tỷ đồng	T11-24	T11-25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	11T24	11T25	So với cùng kỳ	% hoàn thành
Doanh thu thuần	1,291	1,321	2.4%	1.1%	11,682	12,635	8.2%	90.2%
LNTT	62	64	2.6%	1.0%	607	672	10.7%	89.1%

Nguồn: CTR, HSC

- Đối với mảng cho thuê hạ tầng, doanh thu tăng 24% so với cùng kỳ trong tháng 11/2025 (đạt 75 tỷ đồng) và tăng 38% so với cùng kỳ trong 11 tháng đầu năm 2025 (đạt 783 tỷ đồng). Trong tháng 11, CTR đã bổ sung 230 trạm BTS mới, nâng tổng số trạm lên 11.780 trạm tại thời điểm cuối tháng 11/2025 (tính chung từ đầu năm: 1.780 trạm). Như vậy, CTR đang đi đúng tiến độ để đạt 12.000 trạm BTS vào cuối năm 2025 (theo ước tính của HSC và kế hoạch của Công ty). Tính đến cuối tháng 11/2025, có 437 trạm BTS (tăng 32 trạm so với cuối tháng 10/2025) có hơn một khách thuê, đưa tỷ lệ dùng chung trạm lên 1,037, cải thiện nhẹ so với mức 1,035 ghi nhận trong tháng 10/2025.
- Trong khi đó, mặc dù doanh thu mảng xây dựng giảm 15% so với cùng kỳ (xuống 409 tỷ đồng) trong tháng 11/2025, mảng này vẫn ghi nhận doanh thu tăng 10% so với cùng kỳ trong 11 tháng đầu năm 2025 đạt 4,2 nghìn tỷ đồng.

Cập nhật tiến độ thương mại hóa mạng 5G: Viettel đã hoàn thành cam kết

HSC lưu ý rằng vào đầu tháng 12/2025, Viettel công bố đã hoàn thành việc triển khai 20.000 trạm BTS 5G trong năm 2025, sớm hơn ba tuần so với cam kết với Chính phủ. Đến cuối năm nay, Viettel kỳ vọng sẽ có 30.000 trạm BTS 5G, phủ sóng 90% khu vực ngoài trời và 70% khu vực trong nhà trên toàn quốc.

Với kết quả này, Viettel sẽ đủ điều kiện nhận hỗ trợ tài chính từ Chính phủ tương đương 15% tổng chi phí thiết bị, và hiện là nhà mạng duy nhất được hưởng chính sách này. Mặc dù việc phổ cập 5G vẫn là một chặng đường dài và đòi hỏi nỗ lực không chỉ từ các nhà mạng nhưng chúng tôi kỳ vọng vai trò tiên phong của Viettel trong việc đầu tư hạ tầng 5G sẽ tạo nền tảng vững chắc và là cú hích để các nhà mạng khác cũng tham gia cuộc đua. Trong quá khứ, chiến lược “đi trước về hạ tầng” của Viettel đã chứng minh được tính hiệu quả trong quá trình triển khai các thế hệ mạng trước đây.

Trong năm nay, vai trò của CTR trong quá trình Viettel triển khai trạm BTS 5G chủ yếu là lắp đặt thiết bị 5G cho 6.500 trạm BTS hiện hữu (doanh thu từ hoạt động này được hạch toán vào mảng xây dựng), trong khi nhu cầu đối với các trạm BTS 5G mới vẫn chưa hình thành rõ nét. Tuy nhiên, trong dài hạn, chúng tôi cho rằng việc thương mại hóa 5G là xu hướng tất yếu, trong đó CTR sẽ là doanh nghiệp hưởng lợi lớn với vai trò là công ty towerco hàng đầu tại Việt Nam.

Xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

Tính chung 11 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần tăng 8% so với cùng kỳ đạt 12,6 nghìn tỷ đồng; trong khi LNTT tăng 11% so với cùng kỳ đạt 673 tỷ đồng, nhìn chung sát với dự báo, và bằng lần lượt 90% và 89% dự lượng cho cả năm 2025 của HSC. Tuy nhiên, chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu sau khi giá cổ phiếu giảm gần đây trong bối cảnh thị trường chung điều chỉnh.

Tại thị giá hiện tại, CTR đang giao dịch với EV/EBITDA điều chỉnh trượt dốc phóng 1 năm là 7,8 lần, thấp hơn bình quân từ năm 2021 ở mức 10,9 lần.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu theo mảng kinh doanh, CTR

Doanh thu mảng xây dựng trong tháng 11 giảm 15% so với cùng kỳ, làm triệt tiêu kết quả tăng trưởng mạnh của các mảng kinh doanh khác

Tỷ đồng	T11-24	T11-25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	11T24	11T25	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	1,291	1,321	2.4%	1.2%	11,682	12,636	8.2%
Vận hành	534	661	23.7%	4.7%	5,596	5,786	3.4%
Xây dựng	480	409	-14.9%	4.4%	3,829	4,215	10.1%
Giải pháp tích hợp	156	173	11.1%	-16.1%	1,543	1,794	16.3%
Cho thuê hạ tầng	61	75	24.1%	1.2%	568	783	37.9%

Nguồn: CTR

Bảng 3: Số trạm BTS bổ sung, CTR

CTR đã bổ sung thêm 230 trạm BTS trong T11-2025, nâng tổng số trạm BTS lên con số 11.780 trạm tính đến hết 11 tháng đầu năm 2025

	T1-25	T2-25	T3-25	T4-25	T5-25	T6-25	T7-25	T8-25	T9-25	T10-25	T11-25
Tổng số trạm BTS	10,047	10,114	10,350	10,470	10,610	10,770	10,930	11,117	11,329	11,550	11,780
Số trạm BTS mới	47	67	236	120	140	160	160	187	212	221	230
Lũy kế từ đầu năm	47	114	350	470	610	770	930	1,117	1,329	1,550	1,780
Số trạm dùng chung	338	340	340	350	358	363	370	375	385	405	437
Tỷ lệ dùng chung trạm	1.034	1.034	1.033	1.033	1.034	1.034	1.034	1.034	1.034	1.035	1.037

Nguồn: CTR

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	11,370	12,610	14,008	15,920	17,738
Lợi nhuận gộp	902	884	1,001	1,134	1,265
Chi phí BH&QL	(248)	(169)	(210)	(239)	(266)
Thu nhập khác	2.82	3.98	0	0	0
Chi phí khác	(4.96)	(6.50)	(5.60)	(6.37)	(7.10)
EBIT	652	713	785	889	992
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(31.1)	(49.6)	(51.8)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	656	672	754	840	940
Chi phí thuế TNDN	(131)	(134)	(151)	(168)	(188)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	525	538	603	672	752
Lợi nhuận thuần ĐC	397	403	452	504	564
EBITDA ĐC	910	1,032	1,231	1,403	1,570
EPS (đồng)	3,472	3,522	3,955	4,405	4,931
EPS ĐC (đồng)	3,472	3,522	3,955	4,405	4,931
DPS (đồng)	2,720	2,150	2,500	2,500	3,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	819	887	1,586	1,420	1,298
Đầu tư ngắn hạn	1,000	854	560	637	710
Phải thu khách hàng	2,999	2,937	3,082	3,343	3,548
Hàng tồn kho	790	610	630	700	763
Các tài sản ngắn hạn khác	81.1	134	119	127	133
Tổng tài sản ngắn hạn	5,689	5,421	5,978	6,228	6,450
TSCĐ hữu hình	285	191	100	7.16	(88.8)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	829	1,223	1,438	1,587	1,676
Đầu tư dài hạn	153	252	252	252	252
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	35.7	19.7	21.9	24.9	27.7
Tổng tài sản dài hạn	1,302	1,685	1,812	1,871	1,866
Tổng cộng tài sản	6,991	7,106	7,789	8,099	8,316
Nợ ngắn hạn	1,196	1,052	1,401	1,274	1,064
Phải trả người bán	581	608	700	796	887
Nợ ngắn hạn khác	1,987	2,388	2,351	2,351	2,351
Tổng nợ ngắn hạn	4,602	4,653	5,134	5,185	5,150
Nợ dài hạn	378	573	623	664	696
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	14.7	15.3	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	392	588	623	664	696
Tổng nợ phải trả	4,994	5,241	5,758	5,849	5,846
Vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,032	2,249	2,470
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,032	2,249	2,470
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,991	7,106	7,789	8,099	8,316
BVPS (đ)	17,456	16,305	17,760	19,665	21,596
Nợ thuần*/(tiền mặt)	755	738	438	518	463

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	652	713	785	889	992
Khấu hao	(258)	(319)	(445)	(514)	(578)
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(31.1)	(49.6)	(51.8)
Thuế TNDN đã nộp	(57.7)	(116)	(151)	(168)	(188)
Thay đổi vốn lưu động	(195)	465	5.47	(153)	(92.5)
Khác	96.6	(133)	125	(253)	(263)
LCT thuần từ HKKD	573	1,141	1,173	780	971
Đầu tư TS dài hạn	(483)	(801)	(570)	(570)	(570)
Góp vốn & đầu tư	(2,222)	(1,651)	0	0	0
Thanh lý	0	1.11	0	0	0
Khác	2,546	1,850	(2.19)	(2.99)	(2.84)
LCT thuần từ HĐĐT	(159)	(600)	(572)	(573)	(573)
Cổ tức trả cho CSH	(117)	(525)	(286)	(286)	(343)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	108	51.4	399	(86.9)	(177)
Khác	0	0	(15.3)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(9.31)	(474)	97.8	(373)	(520)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	414	819	887	1,586	1,420
LCT thuần trong kỳ	404	66.8	699	(166)	(122)
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	818	885	1,586	1,420	1,298
Dòng tiền tự do	89.7	340	603	210	401

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.93	7.01	7.15	7.13	7.13
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.01	8.18	8.79	8.81	8.85
Tỷ suất LNT (%)	4.61	4.27	4.31	4.22	4.24
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.0	19.9	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	20.1	10.9	11.1	13.6	11.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	17.6	13.4	19.2	14.0	11.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	1.79	1.44	12.3	11.4	12.0
Tăng trưởng EPS (%)	1.79	1.44	12.3	11.4	12.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1.79	1.44	12.3	11.4	12.0
Tăng trưởng DPS (%)	(6.82)	(21.0)	16.3	0	20.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	78.4	61.1	63.2	56.8	60.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.9	27.9	31.0	31.4	31.9
ROACE (%)	30.3	29.5	30.7	31.9	32.6
Vòng quay tài sản (lần)	1.74	1.79	1.88	2.00	2.16
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.88	1.60	1.49	0.88	0.98
Số ngày tồn kho	27.5	19.0	17.7	17.3	16.9
Số ngày phải thu	105	91.4	86.5	82.5	78.6
Số ngày phải trả	20.3	18.9	19.7	19.7	19.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	70.9	61.7	45.7	48.5	45.3
Nợ/tài sản (%)	32.0	28.7	32.3	31.0	29.1
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	17.4	25.2	17.9	19.1
Nợ/EBITDA (lần)	2.45	1.97	2.04	1.79	1.54
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.17	1.16	1.20	1.25
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.81	0.74	0.67	0.59	0.52
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.2	9.09	7.62	6.68	5.89
P/E (lần)	23.9	23.6	21.0	18.8	16.8
P/E ĐC (lần)	23.9	23.6	21.0	18.8	16.8
P/B (lần)	4.75	5.09	4.67	4.22	3.84
Lợi suất cổ tức (%)	3.28	2.59	3.01	3.01	3.61

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn